

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÚK
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 11/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 31/10/2019

V/v “Tranh chấp hôn nhân và
gia đình”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Y Mung Niê.

2. Ông Y Bhiu Mlô.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk tham gia phiên tòa: Ông Lê Quý Tinh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2019, tại Hội trường B Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 126/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2019 về việc *Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28/10/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị H P Niê, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Buôn T, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Y C Rcăm, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Buôn E, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Anh Y C Rcăm đã bị tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự theo Quyết định số 02/2019/QĐST-VDS ngày 23/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk).

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn có: Người giám hộ đương nhiên cho anh Y C Rcăm là ông Y X Ayun (bố đẻ anh Y C Rcăm).

Địa chỉ: Buôn E, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt (ông Y X Rcăm có đề nghị xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị H P Niê trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chi H P Niê và anh Y C Rcăm kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 08/5/2013, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng đến cuối năm 2013 thì anh Y C có biểu hiện không bình thường, gia đình phải đưa đi khám bệnh tâm thần nhưng bệnh không thuyên giảm, anh Y C thường Xuyên phá phách, làm những chuyện không bình thường. Vào năm 2018 trong gia đình đã thống nhất giải quyết theo phong tục để thỏa thuận ly hôn giữa chị H P Niê và anh Y C Rcăm, hiện nay anh Y C Rcăm đang sống cùng gia đình bố đẻ là ông Y X Ayun. Để có căn cứ giải quyết việc ly hôn chị H P Niê đã yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Krông Búk giải quyết T bố anh Y C Rcăm mất năng lực hành vi dân sự, tại Quyết định số 02/2019/QĐST-VDS ngày 23/8/2019, Tòa án nhân dân huyện K đã T bố anh Y C Rcăm mất năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật. Đến nay chị H P Niê thấy không thể cùng chung sống, mục đích hôn nhân không đặt được, nên chị H P Niê yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Y C Rcăm.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu H T Niê, sinh ngày 17/10/2013, chị H P Niê yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con đến khi đủ 18 tuổi.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Hiện nay anh Y C Rcăm đã bị mất năng lực hành vi dân sự nên chị H P Niê không yêu cầu anh Y C Rcăm phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị H P Niê không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án ông Y X Ayun là người giám hộ cho bị đơn anh Y C Rcăm đã trình bày ý kiến:

Ông Y X Ayun nhất trí với những lời trình bày của chị H P Niê về quan hệ hôn nhân, con chung giữa chị H P Niê và anh Y C Rcăm.

Hiện nay anh Y C Rcăm đã bị tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự nên việc chị H P Niê xin ly hôn với anh Y C Rcăm thì ông Y X Ayun yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với cháu là H T Niê sinh ngày 17/10/2013, hiện nay cháu đang ở với mẹ là chị H P Niê nên việc chị H P Niê yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu đến khi 18 tuổi thì ông Y X Ayun đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Y C Rcăm bị mất năng lực hành vi dân sự nên không thể cấp dưỡng nuôi con và chị H P Niê không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ông Y X Ayun không yêu cầu giải quyết.

Đối với tài sản, nợ chung giữa anh Y C Rcăm và chị H P Niê, do chị H P Niê không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên ông Y X Ayun cũng không có yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án ông Y X Ayun đã có ý kiến đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Thư ký Tòa án từ khi thụ lý đến trước thời điểm xét xử đã thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật, xác định đúng tư cách tố tụng của đương sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm. Đối với những người tham gia tố tụng nguyên đơn, người giám hộ cho bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Điều 70, 71, 72, 85 và Điều 86 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, cho chị H P Niê ly hôn anh Y C Rcăm.

Về con chung: Giao con chung là cháu H T Niê, sinh ngày 17/10/2013 cho chị H P Niê được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H P Niê không yêu cầu nên đề nghị không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H P Niê không yêu cầu nên đề nghị không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Do bị đơn anh Y C Rcăm đã bị T bố mất năng lực hành vi dân sự và người giám hộ cho anh Y C Rcăm đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người giám hộ cho bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân, xét yêu cầu xin ly hôn, Hội đồng xét xử nhận định:

Chị H P Niê và anh Y C Rcăm có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 08/5/2013 trên cơ sở tự nguyện, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến cuối năm 2013 thì anh Y C Rcăm có biểu hiện không bình thường, gia đình đã đưa đi khám chữa bệnh

tâm thần nhưng bệnh không thuyên giảm, anh Y C Rằm thường xuyên phá phách. Tại Quyết định sơ thẩm về việc giải quyết việc dân sự số 02/2019/QĐST-VDS ngày 23/8/2019, Tòa án nhân dân huyện K đã tuyên bố anh Y C Rằm mất năng lực hành vi dân sự. Đến nay chị H P Niê thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, không thể tiếp tục chung sống với anh Y C Rằm, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chị H P Niê yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Y C Rằm là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[4] Về con chung: Hiện nay con chung là cháu H T Niê, sinh ngày 17/10/2013 còn nhỏ, cần có sự chăm sóc của mẹ, hiện cháu đang sống với chị H P Niê, anh Y C Rằm đã bị T bố mất năng lực hành vi dân sự, người giám hộ cho anh Y C Rằm cũng đồng ý nên cần chấp nhận để giao cháu H T Niê cho chị H P Niê được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi là đảm bảo quyền lợi của con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H P Niê không yêu cầu nên không xem xét giải quyết là phù hợp.

Anh Y C Rằm được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở, vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con chung là phù hợp với Điều 81, Điều 82, 84 của Luật hôn nhân gia đình.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H P Niê, người giám hộ cho bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét là phù hợp.

[6] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147, điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chị H P Niê phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên chị H P Niê là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế - Xã hội đặc biệt khó khăn, chị H P Niê có đơn xin miễn nộp tiền án phí và được Ủy ban nhân dân xã C xác nhận nên cần miễn nộp toàn bộ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm cho chị H P Niê là đúng quy định của pháp luật.

- Do chị H P Niê được miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm nên cần hoàn trả lại cho chị H P Niê số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0014335 ngày 25/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 24, 51; 56; 81; 82 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị H P Niê.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị H P Niê được ly hôn anh Y C Rằm.

Về con chung: Giao con chung là cháu H T Niê, sinh ngày 17/10/2013 cho chị H P Niê được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng vào giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H P Niê không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Anh Y C Rằm được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H P Niê không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị H P Niê là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn nộp tiền án phí và được Ủy ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk xác nhận nên miễn nộp toàn bộ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng cho chị H P Niê.

Xử lý tiền tạm ứng án phí đã nộp: Hoàn trả lại cho chị H P Niê số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2017/0014335 ngày 25/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người giám hộ cho bị đơn được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Búk;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- THADS huyện K;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Văn Vân